

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

NGÂN HÀNG TMCP
KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Số: ...3544-03/2024../TCKH-TCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: TCB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Techcombank Tower, 06 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
 - Fax: +84 (0243) 944 6362
 - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Thái Hà Linh
Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/7/2024, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố
..Phụ lục...liệu...ý...biên...cả...đồng...số...0560/2024../HĐQT...TCB...ngày...26/7/2024...và...tài...liệu...đính...kèm

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 26/7/2024 tại đường dẫn: <https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
THÁI HÀ LINH

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Techcombank)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TECHCOMBANK

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Techcombank thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) như sau:

1. Lý do và mục đích sửa đổi Quy chế

Luật các Tổ chức tín dụng 2024 ban hành ngày 18/01/2024, Điều lệ Techcombank được sửa đổi ngày 20/04/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Các điểm mới trong Luật các Tổ chức tín dụng 2024, Điều lệ Techcombank có tác động tới nhiệm vụ, quyền hạn cũng như hoạt động của Ban kiểm soát. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát là cần thiết để phù hợp với quy định của pháp luật và thuận lợi hơn trong quá trình vận hành.

2. Nội dung sửa đổi chi tiết

Các điểm sửa đổi, bổ sung chính được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này và kèm theo là Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Techcombank.

3. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 3.1 Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Techcombank;
- 3.2 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm xem xét, quyết định về việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung Quy chế nêu trên nhằm phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) và ban hành, triển khai thực hiện.
- 3.3 Quy chế sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS, CVPL.



Hoàng Huy Trung

**PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHÍNH DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TECHCOMBANK**

(Đính kèm theo Tờ trình số 28/2024/BKS-TCB ngày 26/07/2024)

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
1.	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của hệ thống Techcombank tại thời điểm báo cáo.</p> <p>Khoản 3.2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.1. <u>BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Techcombank⁽¹⁾ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ⁽²⁾, HĐQT.</u></p>	<p>Khoản 3.1 Điều 3</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 1 Điều 51 Luật TCTD</p>
2.	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.3. Ban Kiểm soát của Techcombank có số thành viên tối thiểu 03 thành viên và tối đa là 05 thành viên, trong đó: có ít nhất một</p>	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.2. <u>BKS của Techcombank có số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều</u></p>	<p>Khoản 3.2 Điều 3</p>	<p>Không quy định chi tiết về số lượng thành viên, tham chiếu đến quy định pháp luật và Điều lệ</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách và không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Techcombank hoặc doanh nghiệp khác; có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.</u></p>	<p><u>lê Techcombank trong từng thời kỳ.</u></p>		
3.	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.5. <u>Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</u></p>	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.4. <u>Nhiệm kỳ của BKS là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới được bầu và nhân nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS.</u></p>	<p>Khoản 3.4 Điều 3</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 4 Điều 51 Luật TCTD</p>
4.	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p>	<p>Khoản 3.5 Điều 3</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 6 Điều 51 Luật</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p>Khoản 3.6. <u>Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật, Điều lệ Techcombank thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Techcombank phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.</u></p>	<p>Khoản 3.5. <u>Trường hợp số thành viên BKS không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Techcombank phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.</u></p>	TCTD	
5.	<p>Trong Quy chế hiện hành chưa quy định.</p>	<p>Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 3.6. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ Trường BKS và các Thành viên BKS thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Techcombank.</u></p>	Khoản 3.6 Điều 3	Bổ sung nội dung quy định tham chiếu theo Luật TCTD và Điều lệ để không cần phải nêu lại ở phần dưới Quy chế này.
6.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.1. <u>Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.1. <u>Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Techcombank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Techcombank và</u></p>	Khoản 4.1 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 1 Điều 52 Luật TCTD

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</u></p>	<p><u>ngợi quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, chịu trách nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Techcombank.</u></p>		
7.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.2. Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của Techcombank về kế toán, báo cáo.</p>	<p>Khoản 4.2</p> <p>Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 2 Điều 52 Luật TCTD</p>
8.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc cho BKS.</p>	<p>Khoản 4.12</p> <p>Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 12 Điều 52 Luật TCTD</p>
9.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban</p>	<p>Khoản 4.3</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p>Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.4. <u>Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao;</u></p>	<p>Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.3. <u>Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Techcombank, có quyền sử dụng các nguồn lực của Techcombank để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.</u></p>	Điều 4	Khoản 3 Điều 52 Luật TCTD
10.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.5. <u>Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trong công tác kế toán, thống kê</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.4. <u>Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hàng năm của Techcombank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo ĐHDCCD về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trong</u></p>	Khoản 4.4 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 4 Điều 52 Luật TCTD

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><u>công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHQĐ.</u></p>		
11.	<p>Trong Quy chế hiện hành chưa quy định</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.5. <u>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Techcombank thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHQĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHQĐ, HĐQT.</u></p> <p>Khoản 4.6. <u>Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</u></p>	<p>Khoản 4.5, 4.6 Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 5, Khoản 6 Điều 52 Luật TCTD</p>
12.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.6. <u>Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.7. <u>Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt</u></p>	<p>Khoản 4.7 Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 7 Điều 52 Luật TCTD</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>đồng của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Điều lệ ngân hàng⁽¹⁾. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</u></p> <p><u>Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng.</u></p>	<p><u>đồng của Techcombank khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>4.7.1. Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.</u></p> <p><u>4.7.2. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</u></p>		
13.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện <u>trường hợp vi phạm của</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.8. Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều</p>	Khoản 4.8 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 8 Điều 52 Luật TCTD

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>người quản lý ngân hàng theo quy định tại Quy chế này. Điều lệ ngân hàng⁽¹⁾ và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</u></p>	<p><u>hành Techcombank có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Techcombank⁽¹⁾, quy định nội bộ của Techcombank, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</u></p>		
14.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.8. <u>Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.9. <u>Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Techcombank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</u></p>	Khoản 4.9 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 9 Điều 52 Luật TCTD
15.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.9. <u>Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.10. <u>Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất</u></p>	Khoản 4.10 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 10 Điều 52 Luật TCTD

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p>triệu tập Đại hội đồng cổ đông hợp bất thường theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ ngân hàng⁽¹⁾.</p>	<p>thường theo quy định tại Điều lệ Techcombank⁽¹⁾.</p>		
16.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.10. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Quy chế này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng⁽¹⁾.</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.11. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật của Điều lệ Techcombank⁽¹⁾ và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank⁽¹⁾.</p>	<p>Khoản 4.11</p> <p>Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 11 Điều 52 Luật TCTD</p>
17.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.11. Có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng ứng viên được đề cử, ứng cử thấp hơn số lượng thành viên cần được bầu vào Ban kiểm soát và/hoặc xét thấy ứng viên được đề cử, ứng cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.16. Có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng ứng viên được đề cử, ứng cử thấp hơn số lượng thành viên cần được bầu vào Ban kiểm soát và/hoặc xét thấy ứng viên được đề cử, ứng cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ</p>	<p>Khoản 4.16</p> <p>Điều 4</p>	<p>Thay đổi số thứ tự của khoản này.</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	Điều lệ Techcombank ⁽¹⁾ và quy định nội bộ có liên quan của Techcombank.	Techcombank ⁽¹⁾ và quy định nội bộ có liên quan của Techcombank.		
18.	<p>Trong Quy chế hiện hành chưa quy định</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p><u>Khoản 4.13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4.6, 4.8 và 4.11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phân vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</u></p>	<p>Khoản 4.13 Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 13 Điều 52 Luật TCTD</p>
19.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p><u>Khoản 4.12. Rà soát hợp đồng, giao dịch của Techcombank với công ty con công ty liên kết của Techcombank; các hợp đồng của Techcombank với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị</u></p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p><u>Khoản 4.14. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.</u></p>	<p>Khoản 4.14 Điều 4</p>	<p>Sửa đổi thống nhất với Khoản 14 Điều 65 Điều lệ</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p>về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>			
20.	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Techcombank.</p> <p>Khoản 4.14. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.</p>	<p>Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 4.15. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán đối với Techcombank.</p> <p>Khoản 4.17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Techcombank⁽¹⁾ và quy định pháp luật có liên quan</p>	Khoản 4.15, 4.17 Điều 4	Sửa đổi thống nhất với Khoản 14 Điều 52 Luật TCTD và Khoản 15, Khoản 16 Điều 65 Điều lệ
21.	<p>Điều 5: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 5.8. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p>	<p>Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 5.10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p>	Khoản 5.10 Điều 5	Sửa đổi thống nhất theo Khoản 10 Điều 53 Luật TCTD Các khoản khác trong Điều 5: thay đổi thứ tự các khoản, không thay đổi nội dung.

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
22.	<p>Điều 6: <u>Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>Khoản 6.1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật. Điều lệ ngân hàng⁽¹⁾ và Quy định tại Quy chế này một cách trung thực, thân trọng vì lợi ích của ngân hàng và cổ đông.</u></p>	<p>Điều 6: <u>Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>Khoản 6.1. Tuân thủ pháp luật. Điều lệ Techcombank⁽¹⁾, quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Techcombank và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u></p>	Khoản 6.1 Điều 6	Sửa thống nhất với Khoản 1 Điều 67 Điều lệ
23.	<p>Điều 6: <u>Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>Khoản 6.5. Được quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng, yêu cầu cán bộ, nhân viên của ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</u></p>	<p>Điều 6: <u>Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>Khoản 6.5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Techcombank.</u></p> <p><u>Khoản 6.6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Techcombank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để</u></p>	Khoản 6.5, 6.6 Điều 6	Sửa thống nhất với Khoản 1 Điều 67 Điều lệ

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
24.	Điều 7: Nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát	<u>Thực hiện nhiệm vụ được phân công.</u> Bổ Điều này.		Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát đã được thể hiện tại Quyển, nghĩa vụ của Thành viên BKS tại Điều 6 Quyển, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
25.	CHƯƠNG IV: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	Bổ Điều này.		Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật các TCTD và Điều lệ Techcombank (Điều 30, 33, 34, 35, 36 và 37) . Do đó không cần nhắc lại và tại khoản 3.6 Điều 3 Quy chế này đã nêu rõ vấn đề này được tham chiếu thực hiện quy định pháp luật và Điều lệ

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
26.	<p>Điều 12: Quy định về họp và các hình thức họp của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 12.1. BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất theo triệu tập của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền triệu tập.</p>	<p>Điều 7: Quy định về họp và các hình thức họp của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 7.1. BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p>	Khoản .7.1 Điều 7	<p>Techcombank.</p> <p>Sửa đổi quy định để thuận lợi khi thực hiện.</p>
27.	<p>Điều 16: Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 16.1. <u>Trừ trường hợp họp đột xuất/bất thường, đối với cuộc họp định kỳ hàng quý Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban Kiểm soát gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu</u></p>	<p>Điều 11: Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 11.1. <u>Trừ trường hợp họp đột xuất/bất thường, đối với cuộc họp định kỳ hàng quý Trưởng BKS hoặc người triệu tập họp BKS gửi thông báo mời họp hoặc phân công/ chỉ định/giao người khác đại diện gửi chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp bao gồm nội dung về: thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu</u></p>	Khoản 11.1 Điều 11	<p>Chỉnh sửa quy định để thuận lợi và phù hợp thực tế khi thực hiện thông báo mời họp.</p>

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<u>biểu quyết của thành viên (đối với thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).</u>	<u>sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (đối với thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).</u>		
28.	<p>Điều 18: Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p><u>Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa.</u></p>	<p>Điều 13: Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát</p> <p>Khoản 13.1. <u>BKS thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên BKS có một phiếu biểu quyết.</u></p> <p>Khoản 13.2. <u>Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp BKS. đồng thời cũng không được nhân uỷ quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</u></p> <p>Khoản 13.3. <u>Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận</u></p>	Điều 13	Sửa đổi phù hợp với Điều 69 Điều lệ

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
		<p><u>hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Techcombank phải khai báo bán chất quyền lợi liên quan với HĐQT và BKS để HĐQT và BKS xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.</u></p> <p>Khoản 13.4. <u>Các quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa.</u></p>		

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
29.	<p>Điều 23: Thủ lao, thưởng và chi phí hoạt động</p> <p>....Việc phân bổ thù lao, thưởng và lợi ích khác của Trưởng BKS và các thành viên BKS được thực hiện theo quyết định của BKS và/hoặc quy định nội bộ do BKS ban hành.</p>	<p>Điều 18: Thủ lao, thưởng và chi phí hoạt động</p> <p>....Việc phân bổ thù lao, thưởng và lợi ích khác của Trưởng BKS và các thành viên BKS được thực hiện theo quyết định của BKS.</p>	Điều 18	Sửa đổi quy định để đảm bảo tính bao quát và phù hợp khi thực hiện.
30.	<p>Điều 24: Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Khoản 24.1. Thành viên BKS phải kê khai cho Techcombank về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>24.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>24.1.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>Điều 19: Ngăn ngừa xung đột lợi ích và công khai các lợi ích có liên quan</p> <p>Khoản 19.1. Thành viên BKS phải phải cung cấp cho Techcombank các thông tin sau đây:</p> <p>19.1.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên.</p> <p>19.1.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên</p>	Điều 19	Sửa đổi quy định để phù hợp với Điều 49 Luật các TCTD

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và những người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</u></p> <p>Khoản 24.2. <u>Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 24.1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p>Khoản 24.3. <u>Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</u></p> <p>Khoản 24.4. <u>Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do</u></p>	<p><u>HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc).</u></p> <p><u>19.1.3 Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hồ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u></p> <p><u>19.1.4. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u></p> <p>Khoản 19.2. <u>Việc cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi thông tin quy định tại Khoản 19.1 Điều này phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</u></p> <p>Khoản 19.3. <u>Thành viên BKS cung cấp, công</u></p>		

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Điều khoản	Lý do
	<p><u>Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p> <p>Khoản 24.5. <u>Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nói bỏ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p>	<p><u>bổ công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</u></p>		
31.	<p>Các Điều 13, 14, 15, 17, 19, 20, 21, 22, 25, 26</p>		<p>Điều 8, 9, 10, 12, 14, 15, 16, 17, 20, 21</p>	<p>Đánh số lại các Điều, không làm thay đổi nội dung</p>